

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-KT

Nam Phước, ngày tháng 7 năm 2026

V/v hướng dẫn hồ sơ, đơn đốc thực
hiện thủ tục về môi trường cho các
dự án, cơ sở trên địa bàn xã

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế xã;
- Phòng Văn hoá - Xã hội xã;
- Trung tâm cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công xã;
- Chủ dự án đầu tư, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh,
dịch vụ trên địa bàn xã.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 và của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ và Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường (có hiệu lực thi hành từ ngày 18/5/2026 đến hết ngày 28/02/2027); trong đó, đã quy định mới về các đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, không phải đăng ký môi trường.

Để đảm bảo việc chấp hành quy định của pháp luật về hồ sơ, thủ tục môi trường; Ủy ban nhân dân xã Nam Phước đề nghị:

1. Các tổ chức, cá nhân là chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn xã:

Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành để xác định đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, phải có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo đúng quy định.

Trường hợp dự án, cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị quyết này thì được lựa chọn tiếp tục sử dụng giấy phép môi trường đã được cấp đến hết thời hạn. Giấy phép môi trường đã được cấp sẽ hết hiệu lực trong trường hợp chủ dự án đầu tư, cơ sở thực hiện thủ tục đăng ký môi trường theo quy định hoặc hết hiệu lực trong trường hợp dự án, cơ sở thuộc đối tượng không phải đăng ký môi trường. Riêng cơ sở khai thác khoáng sản thuộc đối tượng quy định tại điểm này, ngoài việc thực hiện quy định này phải thực hiện quy định tại điểm b khoản 4 mục II Phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP.

Các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai, xác định đối tượng và thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định.

2. Phòng Kinh tế xã

Theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tham mưu UBND xã tiếp nhận đăng ký môi trường theo thẩm quyền.

Căn cứ Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 04/5/2026 của UBND xã tham mưu tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về giấy phép môi trường, đăng ký môi trường trên địa bàn xã.

Tổng hợp, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện hồ sơ môi trường trên địa bàn; định kỳ báo cáo UBND xã kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý.

3. Phòng Văn hoá - Xã hội xã:

Tăng cường tuyên truyền trên Cổng/Trang thông tin điện tử xã, Trang Facebook, Zalo và các nền tảng thông tin chính thức của xã về các quy định mới liên quan đến hồ sơ, thủ tục môi trường để các tổ chức, cá nhân là Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn xã biết, thực hiện.

4. Trung tâm cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công xã:

Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã về các quy định mới liên quan đến hồ sơ, thủ tục môi trường để các tổ chức, cá nhân là Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn xã biết, thực hiện.

UBND xã cung cấp một số nội dung thay đổi, điều chỉnh hồ sơ, thủ tục môi trường theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, nghiên cứu thực hiện (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này*).

Đề nghị các tổ chức, cá nhân khẩn trương rà soát, thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục môi trường theo quy định. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định sẽ bị kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, liên hệ Phòng Kinh tế xã để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN&MT thành phố (báo cáo);
- TT Đảng uỷ, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Văn Bá Quang

PHỤ LỤC
MỘT SỐ NỘI DUNG THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH HỒ SƠ,
THỦ TỤC MÔI TRƯỜNG THEO NGHỊ QUYẾT 66.19/2026/NQ-CP
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /7/2026
của Ủy ban nhân dân xã Nam Phước)

I. Báo cáo đánh giá tác động môi trường:

1. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại mục VI Phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP, gồm:

- Dự án đầu tư nhà máy điện hạt nhân; dự án lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu;

- Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng sử dụng đất, đất có mặt nước hoặc có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau: dự án đầu tư bảo trì, duy tu bảo đảm an toàn giao thông; dự án đầu tư chỉ có một hoặc các mục tiêu: phục vụ quản lý, bảo vệ rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng cháy, chữa cháy rừng; lâm sinh) của một trong các khu vực sau: rừng đặc dụng, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; từ 0,5 ha trở lên đối với khu bảo tồn thiên nhiên; từ 0,5 ha trở lên đối với vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển; từ 0,5 ha trở lên đối với vùng lõi của di sản thiên nhiên thế giới; từ 0,2 ha trở lên đối với vùng đất ngập nước quan trọng; từ 0,2 ha trở lên đối với rừng tự nhiên hoặc rừng phòng hộ;

- Dự án đầu tư có hoạt động lấn biển;

- Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng với quy mô sử dụng đất, đất có mặt nước từ 50 ha trở lên hoặc quy mô sử dụng khu vực biển từ 10 ha trở lên (trừ thuộc một trong các trường hợp sau: dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; dự án đầu tư phát triển rừng, lâm sinh theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản không theo phương pháp thâm canh, bán thâm canh theo quy định của pháp luật về thủy sản);

- Dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản;

- Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có sử dụng chung hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp khác;

- Dự án đầu tư thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn và không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường.

*** Đối tượng không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường**

- Dự án đầu tư không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội;

- Dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công;
- Dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp;
- Dự án khai thác dầu thô, khí đốt tự nhiên.

2. Nội dung chi tiết của báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT.

3. Phân quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Nông nghiệp và môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện theo mục I Phần B Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 28/02/2027).

4. Hồ sơ tham vấn trong đánh giá tác động môi trường đã thực hiện theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trong trường hợp có thay đổi về thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Nghị quyết này (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 28/02/2027).

II. Giấy phép môi trường:

1. **Đối tượng phải có giấy phép môi trường** theo quy định tại khoản 1 mục VII Phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP, gồm:

a) Dự án đầu tư, cơ sở thuộc một trong các loại hình sau đây khi đi vào vận hành có ***tổng lưu lượng nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý từ 100 m³/ngày trở lên hoặc tổng lưu lượng khí thải xả ra môi trường phải được xử lý từ 100.000 m³/giờ trở lên***:

- Làm giàu, chế biến khoáng sản độc hại, khoáng sản kim loại; chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất độc;
- Sản xuất kim loại có sử dụng nguyên liệu từ quặng;
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy có công đoạn sản xuất bột giấy;
- Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết);
- Nhiệt điện than;
- Sản xuất xi măng có công đoạn sản xuất clinker;
- Sản xuất vải, sợi, dệt may có công đoạn nhuộm; sản xuất da có công đoạn thuộc da; chế biến mũ cao su; sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt; chế biến thủy sản; sản xuất đường từ mía;

- Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp;
- Thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường;

b) Dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ tái chế, xử lý chất thải nguy hại; có hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;

c) Dự án đầu tư, cơ sở khác không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b khoản này khi đi vào vận hành có tổng lưu lượng nước thải công nghiệp (không bao gồm nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản) xả ra môi trường phải được xử lý **từ 150 m³/ngày trở lên** hoặc tổng lưu lượng khí thải xả ra môi trường phải được xử lý **từ 100.000 m³/giờ trở lên**.

Mức phát sinh nước thải, khí thải quy định tại khoản này được xác định theo dự án tổng thể, không áp dụng đối với từng phân kỳ đầu tư của dự án. Dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường quy định tại khoản này có phát sinh đồng thời nước thải và khí thải xả ra môi trường, giấy phép môi trường phải bao gồm đầy đủ nội dung cấp phép đối với hoạt động xả nước thải và xả khí thải.

2. Đối tượng không phải có giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 2 mục VII Phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP.

Dự án đầu tư, cơ sở quy định tại khoản 1 Mục này không phải có giấy phép môi trường khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công;
- b) Dự án đầu tư, cơ sở không phải có cấp giấy phép môi trường theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội.

3. Phân quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại mục II Phần B Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 28/02/2027).

4. Không thực hiện thủ tục hành chính cấp lại giấy phép môi trường và thực hiện theo quy định tại mục III Phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP.

5. Dự án, cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị quyết này thì được lựa chọn tiếp tục sử dụng giấy phép môi trường đã được cấp đến hết thời hạn. Giấy phép môi trường đã được cấp sẽ hết hiệu lực trong trường hợp chủ dự án đầu tư, cơ sở thực hiện thủ tục đăng ký môi trường theo quy định hoặc hết hiệu lực trong trường hợp dự án, cơ sở thuộc đối tượng không phải đăng ký môi trường. Riêng cơ sở khai thác khoáng sản thuộc đối tượng quy định tại điểm này, ngoài việc thực hiện quy định này phải thực hiện

quy định tại điểm b khoản 4 mục II Phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP.

- Dự án đầu tư đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật tại thời điểm trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường mà thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị quyết này thì phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

III. Đăng ký môi trường:

1. Đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường 2020, khoản 2 mục VI Phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP; gồm:

- Dự án đầu tư có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, đồng thời không phải cấp giấy phép môi trường phải đăng ký môi trường trước khi triển khai thi công xây dựng dự án, trừ trường hợp dự án đầu tư không phải đăng ký môi trường theo quy định tại Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường.

*** Hồ sơ, thủ tục đăng ký môi trường** quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Mẫu văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở theo quy định tại Mẫu số 47 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

*** Thẩm quyền tiếp nhận đăng ký môi trường:** UBND xã (theo quy định tại khoản 3 mục VII Phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP và Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền tiếp nhận đăng ký môi trường).

2. Đối tượng không phải thực hiện đăng ký môi trường: quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường 2020 được sửa đổi bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; khoản 14 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Điều 12 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 32 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; gồm:

a) Dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh;

b) Dự án đầu tư khi đi vào vận hành và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phát sinh chất thải hoặc đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- Phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại dưới 20 kg/tháng hoặc dưới 240 kg/năm;

- Phát sinh thường xuyên chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý dưới 100 kg/tháng hoặc dưới 1.200 kg/năm;
- Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt dưới 300 kg/ngày;
- Phát sinh nước thải dưới 05 m³/ngày và phát sinh khí thải dưới 50 m³/giờ được xử lý bằng công trình thiết bị xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương.

c) Dự án đầu tư không phải đăng ký môi trường theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội;

d) Đối tượng khác được quy định cụ thể tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã được sửa đổi tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực; các hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, dạy nghề, đào tạo kỹ thuật, kỹ năng quản lý, cung cấp thông tin, tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại.
- Sản xuất, trình chiếu và phát hành chương trình truyền hình; sản xuất phim điện ảnh, phim video; hoạt động truyền hình, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.
- Dịch vụ thương mại, buôn bán lưu động, không có địa điểm cố định.
- Dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng có diện tích xây dựng dưới 200 m².
- Dịch vụ ăn uống có diện tích xây dựng nhà hàng dưới 200 m².
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đồ gia dụng quy mô cá nhân, hộ gia đình.
- Dịch vụ photocopy, truy cập internet, trò chơi điện tử.
- Canh tác trên đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi quy mô cá nhân, hộ gia đình.
- Trồng khảo nghiệm các loài thực vật quy mô dưới 01 ha.
- Xây dựng nhà ở cá nhân, hộ gia đình.
- Dự án, cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển, sông, suối, hồ chứa.